TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HS-ST
Ngày 06/03/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Biểu.

Thẩm phán: Ông Lê Quốc Huy.

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Lê Văn Nguyên, ông Phạm Thanh Bình và ông Đào Ngọc khải.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thủy Quyên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hải Triều, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh O, sinh năm 1977; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phường A, thành phố B, tỉnh Hưng Yên; chỗ ở: thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Nguyên Chuyên viên Ban dân vận Tỉnh ủy Hưng Yên (đang bị tạm đình chỉ công tác); trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); con ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị N; Có vợ là chị Phạm Thị P; Có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2006. Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị bắt tạm giam từ ngày 23/5/2018, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. *(có mặt).*

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh O:* Luật sư Bùi Đình S, thuộc Văn phòng luật sư PS, đoàn luật sư tỉnh Hưng Yên. *(có mặt).*

** Bị hại:*

- Bà Đào Thị D, sinh năm 1961. Địa chỉ: thôn I, xã H, huyện I, tỉnh Hưng Yên. *(có mặt).*

- Bà Lương Thị S, sinh năm 1964. Địa chỉ: thôn K, xã N, huyện I, tỉnh Hưng Yên. *(có mặt).*

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Đường M, phường L, thành phố B, tỉnh Hưng Yên. *(có mặt).*

- Anh Trần Mạnh H, sinh năm 1991. Địa chỉ: Đường P, phường Q, thành phố B, tỉnh Hưng Yên. *(vắng mặt).*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Phạm Thị P, sinh năm 1977. Địa chỉ: thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Hưng Yên, *(có mặt).*

** Người làm chứng:*

Ông Trần Đại H, bà Nguyễn Thị V, chị Nguyễn Thị Y, chị Trần Thị T, chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn P, ông Đào Văn T, anh Nguyễn Khắc Đ, anh Nguyễn Mạnh H, ông Nguyễn Minh G, anh Ninh Quý H, chị Lưu Thị H, chị Lưu Thị Thúy H, ông Lưu Duy H, ông Phạm Văn B, chị Tạ Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bằng thủ đoạn tự giới thiệu mình có thể xin được việc làm vào biên chế tại các Cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2016 đến tháng 5/2017. Nguyễn Thanh O đã nhận tiền, hồ sơ xin việc của 04 người và chiếm đoạt với tổng số tiền là 1.177.000.000đ, cụ thể như sau:

***Lần thứ nhất*:** Khoảng tháng 5/2016, bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1967, trú tại: Đường P, phường Q, thành phố B (*cán bộ ngân hàng Agribank chi nhánh tỉnh Hưng Yên*) nói chuyện với đồng nghiệp là chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1984, trú tại: Đường T, phường Y, thành phố B về việc con trai bà V là anh Trần Mạnh H, sinh năm 1991 đã tốt nghiệp Trường Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội (*khoa tài chính ngân hàng*) nhưng chưa có việc làm ổn định, gia đình bà V đang muốn xin việc cho anh H vào biên chế tại các cơ quan Nhà nước, nhưng chưa nhờ được ai có thể xin được việc làm cho anh H. Thấy vậy, chị Y đã nói với bà V về việc chị Y có anh rể họ là Nguyễn Thanh O đang công tác tại Ban dân vận Tỉnh ủy Hưng Yên, có mối quan hệ rộng và có thể sẽ giúp được bà V. Do vậy, bà V xin chị Y số điện thoại di động của O và gọi điện thoại cho O để nhờ O xin việc cho anh H vào làm tại các cơ quan Nhà nước, hoặc Chi nhánh Ngân hàng thương mại tại thành phố B. Do biết thông tin về việc anh H đã tốt nghiệp Trường đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội (*khoa tài chính ngân hàng*), nên O đã nói với bà V về việc O có thể xin được cho anh H vào làm việc tại Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (*Vietcombank*) - Chi nhánh thành phố B với mức chi phí là 300.000.000đồng, được bà V đồng ý. Sau đó, bà V đã nhờ chị Y đưa bà V cùng anh H đến nhà O để bà V trực tiếp trao đổi cụ thể với O về việc nhờ O xin việc làm cho anh H. Tại nhà O, sau khi gặp gỡ và giới thiệu xong thì chị Y sang nhà bạn là chị Nguyễn Phương Hồng Hạnh, sinh năm 1991 (*hàng xóm của O*) chơi, nên chỉ còn bà V, anh H và O trao đổi công việc với nhau. Khi đó, O nói với bà V "*Chị đưa trước cho em bằng tốt nghiệp của cháu Hùng để em đến cơ quan báo cáo*

lại sếp, nếu được em sẽ báo lại cho chị", nên hôm sau, bà V đã chụp ảnh Bằng tốt nghiệp đại học của anh H và gửi qua tin nhắn Zalo cho O. Đến khoảng 11 giờ ngày 30/5/2016, O gọi điện thoại cho bà V nói "*chị lo thu xếp và giao cho em số tiền ba trăm triệu đồng để em lo công việc cho cháu"* nên khoảng 17 giờ cùng ngày, bà V và anh H đã mang hồ sơ xin việc của anh H và số tiền 300.000.000 đồng đến nhà đưa cho O. Sau khi nhận số tiền 300.000.000 đồng cùng hồ sơ xin việc của anh H, O đã viết 01 Giấy vay tiền, với số tiền 300.000.000 đồng của anh H và hứa hẹn sẽ xin được việc làm cho anh H với thời hạn 03 tháng (*bà V và anh H đã ghi âm lại toàn bộ nội dung trao đổi, giao tiền, hồ sơ xin việc cho O vào ngày 30/5/2016 và đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra chiếc USB lưu đoạn ghi âm này*). Sau khi hết thời hạn 03 tháng, không thấy Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (*Vietcombank*) Chi nhánh TP.Hưng Yên có giấy báo anh H đến dự thi tuyển và không thấy O có thông báo gì, nên bà V cùng với chồng là ông Trần Đại H đã nhiều lần gọi điện thoại hỏi và đòi lại tiền, nhưng O đều khất lần và nói "*sắp xin được việc cho anh H*". Mặt khác, O đã nhiều lần nhắn tin hứa hẹn với bà V và đưa ra các thông tin giả có nội dung "*khi nào có quyết định thì O sẽ thông báo, O đã hỏi sếp của O và sếp của O đã nói trong tháng hoặc đầu tháng sau có quyết định gọi anh H đi làm*". Đến ngày 13/6/2017, O đến gặp ông Trần Đại H và viết 01 "Giấy hẹn" cam kết sẽ trả lại số tiền 300.000.000 đồng trong tháng 6/2017, sau đó O vẫn không trả như đã hẹn. Bà V đã nhiều lần gọi điện thoại cho chị Phạm Thị P (là vợ của O) thông báo cho chị P biết, chị P đã hỏi và O thừa nhận đã nhận số tiền 300.000.000 đồng của bà V để lo xin việc cho anh H và đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 09/7/2017, chị P đã đến gặp ông Trần Đại H và hứa sẽ thu xếp trả hết số tiền trên. Ngày 01/8/2017, vợ chồng O đã đưa vợ chồng bà V đến thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định với ý định sẽ bán cho vợ chồng bà V một mảnh đất của vợ chồng O tại đây để trả nợ, nhưng do không thỏa thuận được với nhau về giá bán, nên đã cùng nhau quay về nhà bà V. Khi đó, O đã viết 01 Giấy hẹn trả nợ với nội dung đến ngày 25/8/2017, sẽ trả trước cho gia đình bà V số tiền là 100.000.000 đồng và đến ngày 25/9/2017 sẽ trả nốt số tiền là: 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị P chỉ trả được cho ông Trần Đại H tổng số tiền là: 50.000.000 đồng vào các ngày 30/8/2017 và 17/10/2017, nên ngày 16/10/2017 anh H đã làm đơn tố cáo Nguyễn Thanh O về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đến ngày 27/02/2018, O và gia đình đã hoàn trả nốt cho anh H số tiền còn lại là: 250.000.000 đồng, anh H không yêu cầu đề nghị gì khác và có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Thanh O. Quá trình điều tra, anh Trần Mạnh H, Nguyễn Thanh O và chị Phạm Thị P đã giao nộp cho Cơ quan điều tra các tài liệu, chứng cứ có liên quan.

Tại Bản kết luận giám định số 60 ngày 29/12/2017, của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên đã kết luận: *Chữ viết, chữ ký trên các tài liệu: Giấy vay tiền đề ngày 30/5/2016; Giấy hẹn đề ngày 13/6/2017; Giấy hẹn trả nợ đề ngày 01/8/2017 so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thanh O trên tài liệu mẫu so sánh "Bản tự khai" là do cùng một người viết, ký ra* .

Tại Bản kết luận giám định số 281 ngày 06/02/2018, của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: *Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa*

trong các tập tin âm thanh gửi giám định; Tiếng nói của người đàn ông xưng là "anh" trong mẫu cần giám định (ký hiệu là "H" trong Bản dịch nội dung các cuộc hội thoại trong mẫu cần giám định) và tiếng nói của Trần Đại H trong mẫu so sánh là của cùng một người; Tiếng nói của người đàn ông xưng là "em" trong mẫu cần giám định (ký hiệu là "O" trong Bản dịch nội dung các cuộc hội thoại trong mẫu cần giám định) và tiếng nói của Nguyễn Thanh O trong mẫu so sánh là của cùng một người; Tiếng nói của người phụ nữ xưng là "chị" trong mẫu cần giám định (ký hiệu là "V" trong Bản dịch nội dung các cuộc hội thoại trong mẫu cần giám định) và tiếng nói của Nguyễn Thị V trong mẫu so sánh là của cùng một người; Tiếng nói của người phụ nữ xưng là "em" trong mẫu cần giám định (ký hiệu là "P" trong Bản dịch nội dung các cuộc hội thoại trong mẫu cần giám định) và tiếng nói của Phạm Thị P trong mẫu so sánh là của cùng một người. Nội dung các cuộc hội thoại trong mẫu cần giám định đã được dịch ra thành văn bản (gồm 34 trang giấy A4) gửi kèm theo.

Tại Bản kết luận giám định số 153 ngày 09/5/2018, của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên, kết luận: *Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Đại H trong các giấy biên nhận tiền trong các ngày 17/10/2017; 30/8/2017; 27/02/2018 là chữ do cùng một người ký, viết ra; Chữ ký mang tên Nguyễn Thanh O trên giấy biên bản nhận tiền, đề ngày 27/02/2018 với chữ ký của Nguyễn Thanh O trên tài liệu mẫu so sánh là chữ do cùng một người ký, viết ra ; Chữ ký mang tên Trần Mạnh H được ký dưới mục người nhận tiền trên giấy biên bản nhận tiền, đề ngày 27/02/2018 là chữ do cùng một người ký, viết ra*.

Lần thứ hai: Do trước đó anh Phạm Văn P, sinh năm 1979 ở Tiểu khu 1, thị trấn V, huyện I có mối quan hệ quen biết với Nguyễn Thanh O, khi đó đang công tác tại Ban dân vận Tỉnh ủy Hưng Yên và được O giới thiệu là người có mối quan hệ rộng, nên khoảng tháng 02/2016 anh Phạm Văn P gọi điện hỏi O có khả năng xin vào biên chế cho người quen của anh Phạm Văn P là chị Trần Thị T, sinh năm 1992 ở Tiểu khu 4, thị trấn V, huyện I đang làm hợp đồng tại Trung tâm y tế huyện I. O đã nói với anh Phạm Văn P là O có khả năng xin cho chị Trần Thị T vào biên chế chính thức tại Trung tâm y tế huyện I với mức chi phí là 300.000.000 đồng. Sau đó, anh Phạm Văn P đã gọi điện và thông tin cho chị Trần Thị T biết, trong khi chị Trần Thị T nói chuyện điện thoại với anh Phạm Văn P thì chị Tạ Thị T, sinh năm 1984 ở thôn I, xã H, huyện I (đang là nhân viên hợp đồng cùng với chị Trần Thị T tại Trung tâm y tế huyện I) cũng có mặt ở đó và cũng đang có nhu cầu xin vào biên chế chính thức tại Trung tâm y tế huyện I, được chị Trần Thị T nói lại nội dung sự việc cho chị Tạ Thị T nghe. Do khi đó chị Trần Thị T chưa có tiền nhờ xin vào biên chế chính thức tại Trung tâm y tế huyện I, nên chị Trần Thị T đã giới thiệu và đưa chị Tạ Thị T đến nhà anh Phạm Văn P. Khi đó, anh Phạm Văn P đã nói với chị Tạ Thị T có quen biết Nguyễn Thanh O làm ở Ban dân vận Tỉnh ủy Hưng Yên, là người có khả năng xin vào biên chế chính thức tại Trung tâm y tế huyện I, với số tiền là 300.000.000 đồng, nên chị Tạ Thị T đã về nhà chuẩn bị hồ sơ xin việc và nhờ anh Phạm Văn P đưa đến để gặp O, được anh Phạm Văn P đồng ý.

Ngày 26/02/2016, anh Phạm Văn P đưa chị Tạ Thị T và chị Trần Thị T đến nhà Nguyễn Thanh O ở ngõ tập thể 1/5, phường A, thành phố B. Khi đó, chị Tạ Thị T đã đưa bộ hồ sơ và nhờ O xin cho chị Tạ Thị T vào biên chế chính thức tại Trung tâm y tế huyện I. Sau khi xem xong hồ sơ, O đồng ý và nói *"Khoảng mùng một, mùng hai tháng 4/2016 sẽ có đợt thi tuyển biên chế, nếu em muốn xin biên chế chính thức thì chuẩn bị số tiền là 330.000.000 đồng, giao lại cho anh để anh đi xin cho, nếu không sẽ lỡ mất cơ hội"* được chị Tạ Thị T đồng ý. Sau đó, chị Tạ Thị T đã về nói với mẹ chồng là bà Đào Thị Dung về việc nhờ O xin cho chị Tạ Thị T vào biên chế chính thức tại Trung tâm y tế huyện I, nên bà D đã đến vay tiền tại Quỹ tín dụng xã H, huyện I. Đến trưa ngày 28/02/2016, chị Tạ Thị T cùng bà D đến nhà O đưa cho O số tiền 300.000.000 đồng, hẹn khi nào có quyết định biên chế sẽ đưa nốt số tiền là 30.000.000 đồng, O đã viết giấy vay tiền, nhưng thực chất là để xin việc làm cho chị Tạ Thị T. Khoảng 01 tuần sau, gia đình chị Tạ Thị T đã bàn bạc lại và thống nhất không muốn nhờ O xin biên chế cho chị Tạ Thị T nữa, nên chị Tạ Thị T đã gọi điện thoại hẹn O đến nhà chị Tạ Thị T để nói chuyện. Khi đó, em ruột của bà D là ông Đào Văn T nói với O là gia đình chị Tạ Thị T không muốn nhờ O xin biên chế cho chị Tạ Thị T nữa và yêu cầu O trả lại số tiền 300.000.000 đồng, nên O đồng ý và hẹn hôm sau sẽ trả lại cho gia đình chị Tạ Thị T số tiền trên, khi đó chị Tạ Thị T đã mang giấy vay tiền do O viết vào ngày 28/02/2016 ra để O gạch chéo đi. Sau đó, do vẫn tin tưởng O có khả năng xin được cho chị Tạ Thị T vào biên chế chính thức tại Trung tâm y tế huyện I, nên chị Tạ Thị T đã thuyết phục gia đình không đòi tiền O nữa và tiếp tục nhờ O xin biên chế cho chị Tạ Thị T, được gia đình chị Tạ Thị T đồng ý, nên chị Tạ Thị T đã gọi điện lại cho O và thông báo cho O việc gia đình chị Tạ Thị T đã thống nhất lại và tiếp tục nhờ O xin biên chế chính thức cho chị Tạ Thị T, được O đồng ý và bảo chị Tạ Thị T khi nào rảnh thì đến gặp O để O viết lại giấy vay tiền. Trưa ngày 30/3/2016, chị Tạ Thị T đến nhà gặp O, khi đó O đã viết lại cho chị Tạ Thị T 01 Giấy vay tiền (có nội dung tương tự như giấy vay tiền đề ngày 28/02/2016) rồi đưa lại cho chị Tạ Thị T quản lý.

Sau khi nhận tiền và hồ sơ xin việc của chị Tạ Thị T và bà D, O không liên hệ và nhờ ai xin biên chế cho chị Tạ Thị T như đã hứa hẹn và đã tiêu xài cá nhân hết, chị Tạ Thị T và bà D đã nhiều lần đến đòi lại tiền, nhưng O đều khất hẹn không trả. Do bà D nhiều lần đến đòi lại tiền, nhưng O không trả. Ngày 06/12/2017, O đã viết cho bà D 01 Giấy vay tiền, có nội dung ngày 28/02/2016 O vay của bà D số tiền là 300.000.000 đồng và thỏa thuận sẽ tính lãi 4.000 đồng/triệu/ngày, sau đó O vẫn không trả, nên chị Tạ Thị T đã làm đơn tố cáo và giao nộp các tài liệu, chứng cứ có liên quan. Ngày 01/3/2018, O cùng gia đình đã trả lại cho bà D số tiền là: 30.000.000 đồng và viết 01 Giấy thỏa thuận, với nội dung số tiền 270.000.000 đồng còn lại, O sẽ trả cho bà D mỗi quý từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, ngày 29/10/2018 chị P (vợ O) đã giao nộp cho Cơ quan điều tra các tài liệu chứng cứ có liên quan. Ngoài ra, quá trình điều tra bà D, chị Tạ Thị T khai nhận vợ chồng O đã 03 lần trả tiền lãi, với tổng số tiền là 9.000.000 đồng, nhưng không viết giấy tờ gì, đồng thời đề nghị xử lý

O về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định của pháp luật và yêu cầu O phải hoàn trả số tiền (gốc) còn lại là 270.000.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 348/PC09 ngày 06/11/2018, của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên đã kết luận: Chữ viết, chữ ký trên các tài liệu: Giấy vay tiền đề ngày 06/12/2017, Giấy thỏa thuận đề ngày 01/3/2018 (ký hiệu A1, A3) với chữ viết của Nguyễn Thanh O trên tài liệu mẫu so sánh (M1) là do cùng một người viết, ký ra; Chữ ký mang tên Đào Thị D trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A3) với chữ ký của Đào Thị D trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3) là do cùng một người ký ra.

Lần thứ 3: Do cùng công tác tại Trung tâm y tế huyện I với chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 ở thôn X, xã S, huyện I, nên chị Tạ Thị T đã nói chuyện với chị Nguyễn Thị T về việc chị Tạ Thị T đã thông qua anh Phạm Văn P và nhờ Nguyễn Thanh O xin cho chị Tạ Thị T vào biên chế chính thức tại Trung tâm y tế huyện I, với mức chi phí là 330.000.000 đồng. Khi đó, chị Nguyễn Thị T có em trai là Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1992 đang làm hợp đồng tại Trung tâm y tế huyện I cũng có nhu cầu xin tuyển biên chế chính thức, nên chị Tạ Thị T đã cho chị Nguyễn Thị T số điện thoại của anh Phạm Văn P để liên hệ. Sau đó, chị Nguyễn Thị T đã về nói lại với mẹ đẻ là bà Lương Thị S, và anh Nguyễn Mạnh H biết, nên bà S đã gọi điện thoại hỏi chị Tạ Thị T, được chị Tạ Thị T nói lại về việc gia đình chị Tạ Thị T đã nhờ O xin biên chế chính thức vào Trung tâm y tế huyện I cho chị Tạ Thị T, với chi phí là 330.000.000đồng, nhưng mới giao cho O số tiền 300.000.000 đồng và hẹn khi nào có quyết định biên chế chính thức thì sẽ đưa nốt cho O số tiền 30.000.000đồng, còn anh Nguyễn Mạnh H tự đến gặp và hỏi cụ thể việc chị Tạ Thị T đã nhờ O xin biên chế chính thức cho chị Tạ Thị T, nên chị Tạ Thị T đã cho anh Nguyễn Mạnh H số điện thoại của anh Phạm Văn P, để nhờ anh Phạm Văn P đưa đến gặp O và bảo anh Nguyễn Mạnh H chuẩn bị 01 bộ hồ sơ để đưa cho O.

Ngày 17/3/2016, anh Nguyễn Mạnh H gọi điện thoại nhờ anh Phạm Văn P đưa đến gặp O, được anh Phạm Văn P đồng ý và cùng Huy đến gặp O tại quán nước thuộc khu vực Quảng trường thành phố B. Khi đó, O nói với anh Nguyễn Mạnh H việc O đang xin biên chế chính thức tại Trung tâm Y tế huyện I cho chị Tạ Thị T và O sẽ xin được biên chế chính thức tại Trung tâm Y tế huyện I cho anh Nguyễn Mạnh H, với mức chi phí là 330.000.000 đồng, trong thời gian 02 tháng. Thấy vậy, anh Nguyễn Mạnh H đã tin tưởng và đưa cho O 01 bộ hồ sơ xin biên chế của anh Nguyễn Mạnh H. Sau khi xem xong hồ sơ, O nói "*Hồ sơ như thế này là OK rồi, để anh về xem kỹ lại rồi báo lại cho em*", anh Nguyễn Mạnh H hỏi O là bao giờ có đợt tuyển biên chế thì O nói "*Sắp có rồi, em cứ yên tâm về bảo gia đình nếu đồng ý thì đặt tiền luôn để anh đi lo biên chế cho em*". Sau đó, anh Nguyễn Mạnh H đã về kể lại nội dung sự việc trên cho bố, mẹ mình là ông Nguyễn Minh G và bà Lương Thị S nghe, nên bà S đã gọi điện thoại nhờ chị Tạ Thị T đưa đến nhà O, được chị Tạ Thị T đồng ý. Khoảng 20 giờ cùng ngày (*17/3/2016*), vợ chồng ông bà Giang - Sâm và con rể là anh Nguyễn Khắc Đ đã cùng chị Tạ Thị T và chồng chị Tạ Thị T là anh Ninh Quý H đi đến nhà O. Tại đây, vợ chồng bà S đã nhờ O xin cho anh Nguyễn Mạnh H được vào biên

chế chính thức tại Trung tâm Y tế huyện I. Khi đó, O vẫn tiếp tục đưa ra thông tin giả về việc O sẽ lo được cho anh Nguyễn Mạnh H vào biên chế chính thức tại Trung tâm Y tế huyện I, nhưng với mức chi phí là 350.000.000 đồng, với lý do gia đình bà S nộp hồ sơ muộn, cận ngày thi tuyển nên mức chi phí phải cao hơn so với chị Tạ Thị T. Ngoài ra, O còn tự giới thiệu về việc O đang làm ở Tỉnh ủy Hưng Yên, là chỗ cận kề, thân quen các lãnh đạo, được các lãnh đạo tin tưởng, tạo điều kiện nên O có thể xin được biên chế chính thức cho Huy, đồng thời đưa ra các thông tin giả về việc "*cuối tháng 4/2016 sẽ có đợt thi tuyển biên chế và năm 2015 O đã xin được mấy suất biên chế vào các Bệnh viện đa khoa Phố Nối, Bệnh viện đa khoa Hưng Yên*". Thấy vậy, gia đình bà S rất tin tưởng, nên đã và đồng ý nhờ O xin biên chế chính thức cho anh Nguyễn Mạnh H, với mức chi phí là 350.000.000 đồng. Do không mang đủ tiền, nên gi đình bà S đã đưa trước cho O số tiền 300.000.000 đồng và hẹn khi nào có quyết định biên chế của anh Nguyễn Mạnh H, thì gia đình sẽ đưa nốt cho O số tiền còn lại là 50.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền 300.000.000 đồng của gia đình bà S, O không viết giấy nhận tiền để xin biên chế cho anh Nguyễn Mạnh H, mà tự viết 01 Giấy vay tiền với nội dung O vay của bà S số tiền là 300.000.000 đồng và hẹn sẽ trả sau khi xong việc, rồi đưa lại cho bà S quản lý (*Gia đình bà S đã ghi âm lại toàn bộ nội dung trao đổi, giao tiền nhờ O xin biên chế cho anh Nguyễn Mạnh H vào ngày 17/3/2016)*. Đến chiều ngày 18/3/2016, để tránh việc gia đình bà S nghi ngờ, O gọi điện thoại cho bà S thông báo về việc O đã đưa cho sếp của O số tiền trên để xin biên chế chính thức cho Huy, nhưng thực chất sau khi nhận tiền, hồ sơ xin biên chế của anh Nguyễn Mạnh H và bà S, O không liên hệ hoặc nhờ ai xin biên chế chính thức cho anh Nguyễn Mạnh H như đã hứa hẹn và đã tiêu xài cá nhân hết, gia đình bà S đã nhiều lần đến nhà đòi tiền O, nhưng O đều không trả. Các ngày 22/4/2017 và ngày 01/6/2017, O đã viết giấy hẹn trả lại bà S số tiền trên và giao lại cho bà S để làm tin, nên ngày 25/6/2017 bà S đã làm đơn tố cáo đến Cơ quan điều tra. Đến ngày 19/9/2017, chị P (vợ O) đã mang đến trả cho bà S số tiền là 30.000.000 đồng, nên bà S đã viết viết giấy biên nhận xác định đã nhận của chị P số tiền 30.000.000 đồng, số tiền còn lại là 270.000.000 đồng. Quá trình điều tra, bà S, ông Nguyễn Minh G và chị P đã giao nộp cho Cơ quan điều tra các tài liệu, chứng cứ có liên quan, đồng thời bà S đề nghị xử lý O theo quy định của pháp luật và yêu cầu O phải hoàn trả lại số tiền còn lại là 270.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 4040 ngày 02/10/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an đã kết luận: *Tiếng nói của người đàn ông xưng là "cháu" trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Thanh O trong mẫu so sánh là của cùng một người; Tiếng nói của người đàn ông xơng "chú" trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Minh G trong mẫu so sánh là của cùng một người; Tiếng nói của người phụ nữ xưng "cô" trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Lương Thị S trong mẫu so sánh là của cùng một người; Tiếng nói của người phụ nữ xưng "em" trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Tạ Thị T trong mẫu so sánh là của cùng một người; Tiếng nói của người đàn ông xưng "em" trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Khắc Đ trong mẫu so*

sánh là của cùng một người. Kèm theo bản kết luận là bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định, gồm 13 trang giấy A4 .

Tại bản kết luận giám định số 5449 ngày 17/11/2017, của Viện khoa học hình sự- Bộ công an đã kết luận: *Tiếng nói của người đàn ông xưng "anh" trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Thanh O trong mẫu so sánh là của cùng một người; Tiếng nói của người đàn ông xưng "em" trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Khắc Đ trong mẫu so sánh là của cùng một người. Kèm theo bản kết luận là bản dịch nội dung cuộc hội thoại trong mẫu cần giám định, gồm 07 trang giấy A4*.

Tại bản kết luận giám định số 19 ngày 18/10/2017, của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Hưng Yên đã kết luận: *Chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền ngày 17/3/2016 và trong hai giấy hẹn ngày 22/4/2017 và ngày 01/6/2017 so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thanh O trong bản tường trình ngày 31/8/2017, là của cùng một người viết, ký ra*.

Lần thứ 4: Do có quan hệ quen biết với anh Phạm Văn P, nên chị Lưu Thị H, sinh năm 1986 ở thôn A1, xã B1, huyện I đã nói với anh Phạm Văn P về việc em gái chị Lưu Thị H là Lưu Thị Thúy H, sinh năm 1992 ở đường M, phường L, thành phố B đã tốt nghiệp Học viện Ngân hàng, nhưng chưa có việc làm và muốn xin cho chị Lưu Thị Thúy H vào cơ quan Nhà nước trên địa bàn thành phố B. Khi đó, anh Phạm Văn P đã nói với chị Lưu Thị H việc có quen biết Nguyễn Thanh O đang công tác tại Ban dân vận Tỉnh ủy Hưng Yên, có khả năng xin được việc cho chị Lưu Thị Thúy H, nên đã cho chị Lưu Thị H số điện thoại của O để gia đình chị Lưu Thị H chủ động liên hệ. Sau đó, chị Lưu Thị H đã về nói chuyện với bố, mẹ đẻ là ông Lưu Duy H và bà Lê Thị T và cho bà T số điện thoại của O. Sau đó, bà T đã gọi điện và nhờ O xin việc cho chị Lưu Thị Thúy H vào làm tại các cơ quan Nhà nước có trụ sở tại thành phố B. Khi đó, do biết thông tin chị Lưu Thị Thúy H đã tốt nghiệp khoa kế toán của Học viện Ngân hàng, nên O đã nói với bà T và đưa ra thông tin giả về việc "*O có thể xin được cho chị Lưu Thị Thúy H vào làm kế toán tại Hội chữ thập đỏ tỉnh Hưng Yên, trong khoảng từ một đến hai tháng, với mức chi phí là 270.000.000 đồng, nếu bà T đồng ý thì chuẩn bị trước số tiền 200.000.000 đồng và 01 bộ hồ sơ xin việc của chị Lưu Thị Thúy H rồi giao lại cho O, khi nào chị Lưu Thị Thúy H có quyết định gọi đi làm thì gia đình bà T mới giao nốt cho O số tiền còn lại là 70.000.000 đồng*", O còn nói với bà T là "*cố gắng thu xếp tiền sớm, đến tối ngày 01/12/2016 thì mang tiền, hồ sơ đến nhà O giao cho O để O lo xin việc cho chị Lưu Thị Thúy H kẻo nhỡ mất đợt*", nên bà T đã tin tưởng và đồng ý. Khoảng 19 giờ ngày 01/12/2016, vợ chồng ông Lưu Duy H, bà T đã cùng nhau đến nhà O. Khi đó, O vẫn tiếp tục khẳng định với vợ chồng ông Lưu Duy H, bà T về việc "O có thể xin được cho chị Lưu Thị Thúy H vào làm kế toán tại Hội chữ thập đỏ tỉnh Hưng Yên, với mức chi phí là 270.000.000 đồng, vì sếp của O đã cho O một suất biên chế tại Hội chữ thập đỏ tỉnh Hưng Yên", nên bà T đã tin tưởng giao cho O số tiền 200.000.000 đồng và 01 bộ hồ sơ xin việc của chị Lưu Thị Thúy H. Sau khi nhận số tiền 200.000.000 đồng cùng bộ hồ sơ xin việc của chị Lưu Thị Thúy H từ bà T, O đã tự viết 01 Giấy vay tiền với nội dung "*O vay*

của bà T số tiền 200.000.000 đồng và hẹn đến ngày 15/2/2017 trả lại bà T số tiền trên". Lúc này, bà T thắc mắc với O về việc bà T đưa tiền cho nhờ O xin việc cho chị Lưu Thị Thúy H mà lại viết giấy vay tiền thì O nói "*cháu đã xin việc cho mấy người rồi và đều viết giấy thế này",* nên vợ chồng bà T không thắc mắc gì nữa.

Do đã quá hẹn, nhưng chưa thấy O xin được việc cho chị Lưu Thị Thúy H, nên vợ chồng bà T đã nhiều lần gọi điện thoại hỏi O, thì O đều nói "*O vẫn đang xin việc cho chị Lưu Thị Thúy H và bảo bà T thu xếp giao nốt cho O số tiền 70.000.000 đồng còn lại, để nhanh lấy quyết định gọi chị Lưu Thị Thúy H đi làm, vì sếp của O bảo phải đưa tiền trước thì mới gọi sang Hội chữ thập đỏ giục họ làm quyết định, thì chị Lưu Thị Thúy H mới nhanh được đi làm và hẹn đến ngày 21/02/2017, O sẽ đến nhà bà T lấy nốt số tiền 70.000.000 đồng*". Do tin tưởng O, nên vợ chồng bà T đã chuẩn bị đủ số tiền 70.000.000 đồng. Như đã hẹn khoảng 15 giờ ngày 21/02/2017 O một mình đến nhà bà T, khi đó bà T đã giao cho O số tiền 70.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong, O đã tự viết 01 Giấy biên nhận, với nội dung O vay của bà T số tiền 70.000.000 đồng và đưa cho bà T quản lý. Đến khoảng tháng 5/2017, O tiếp tục gọi điện thoại bảo bà T chuẩn bị thêm cho O số tiền 7.000.000 đồng, để O mua quà biếu sếp cho nhanh có quyết định cho chị Lưu Thị Thúy H, nên khoảng 15 giờ cùng ngày ông Lưu Duy H đã mang số tiền 7.000.000 đồng đến giao cho O tại khu vực cổng trụ sở Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh Hưng Yên (thuộc đường Bạch Đằng, phường A, TP.Hưng Yên) nhưng không viết giấy tờ gì. Sau khi nhận tiền, hồ sơ xin việc từ vợ chồng ông Lưu Duy H - bà T, O đã không liên hệ, nhờ ai xin việc cho chị Lưu Thị Thúy H vào làm kế toán tại Hội chữ thập đỏ tỉnh Hưng Yên như đã hứa hẹn và đã tiêu xài cá nhân hết, vợ chồng ông Lưu Duy H, bà T đã nhiều lần đòi lại tiền, nhưng O đều khất lần không trả, nên đến ngày 13/11/2018, bà T đã làm đơn tố cáo và giao nộp các tài liệu, chứng cứ có liên quan. Quá trình điều tra, bà T yêu cầu O phải hoàn trả lại tổng số tiền O đã chiếm đoạt là: 277.000.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 19 ngày 29/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên đã kết luận: Chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Thanh O được viết và ký trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thanh O trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) là do cùng một người viết, ký ra

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKS-P3 ngày 07/01/2019 của VKSND tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh O về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Hưng Yên giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử, Tuyên bố: Nguyễn Thanh O phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Xử phạt Nguyễn Thanh O từ 12 năm tù đến 13 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh O phải trả cho bà Đào Thị Dung 270.000.000đ;

bà Lương Thị S 270.000.000đ và bà Lê Thị T 277.000.000đ; Về vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, phát mại sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động OPPO thu của O.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí với tội danh, điều luật áp dụng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đã truy tố và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa; sau khi phân tích tính chất hành vi, nhân thân, hoàn cảnh gia đình của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Thanh O thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, đề nghị đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Đào Thị D, Lương Thị S và Lê Thị T có mặt tại phiên tòa đều có quan điểm: Yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh O trả số tiền đã chiếm đoạt; Bị hại Trần Mạnh H có đơn xin xử vắng mặt và không có yêu cầu gì vì đã nhận đủ số tiền bị O chiếm đoạt; Về hình phạt: Bị hại Trần Mạnh H đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; các bị hại Đào Thị D, Lương Thị S và Lê Thị T đề nghị giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

***[1].** Về hành vi, quyết định tố tụng:*

Cơ quan Điều tra - Công an tỉnh Hưng Yên; Điều tra viên; Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Hưng Yên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng từ giai đoạn điều tra cho đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

***[2].** Về hành vi phạm tội của bị cáo:*

Xét lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thanh O tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trước cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Các chứng cứ đó là: Đơn tố cáo, các giấy nhận tiền, giấy vay tiền, giấy hẹn trả tiền; lời khai của những bị hại; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của những người làm chứng; các kết luận giám định về giọng nói, chữ ký, chữ viết, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2016 đến khoảng tháng 5/2017, lợi dụng sự tin tưởng, thiếu hiểu biết của các gia đình đang có nhu cầu tìm việc làm, Nguyễn Thanh O đã đưa thông tin không đúng sự thật như có khả năng xin việc biên chế vào các

cơ quan Nhà nước để gia đình người bị hại tin tưởng, sau đó O nhận tiền xin việc và thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của 04 người gồm: Anh Trần Mạnh H, bà Đào Thị D, bà Lương Thị S mỗi người số tiền là 300.000.000 đồng và bà Lê Thị T số tiền là 277.000.000đ. Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Thanh O đã chiếm đoạt là 1.177.000.000 đồng *(một tỷ một trăm bảy mươi bảy triệu đồng)*. Sau khi bị nhiều lần đòi lại tiền, O và gia đình đã trả lại gia đình các bị hại gồm anh H 300.000.000 đồng; bà S và bà D mỗi người 30.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thanh O là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi đưa thông tin không đúng sự thật để chiếm đoạt tài sản của những người bị hại nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 174 Bộ luật hình sự. Số tiền bị cáo chiếm đoạt trên 500 triệu đồng, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự *"Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên"*. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố Nguyễn Thanh O về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội từ trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực, tuy nhiên các khung hình phạt tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự 2015 giống nhau nên áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử đối với bị cáo.

[3]. *Về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.*

Bị cáo Nguyễn Thanh O phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, chỉ trong khoảng thời gian từ tháng 02/2016 đến khoảng tháng 5/2017, bị cáo đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt số tiền rất lớn của những người bị hại. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, sự bất bình trong dự luận quần chúng nhân dân tại địa phương, còn ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, uy tín, danh dự của cán bộ công chức công tác trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước; gây hoài nghi thiếu tin tưởng của nhân dân trong việc tuyển dụng công chức, viên chức đối với các cơ quan công quyền. Bị cáo làm việc trong cơ quan xây dựng Đảng, lẽ ra bị cáo phải là người gương mẫu trong việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhưng bị cáo lại thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Vì vậy, cần xét xử nghiêm minh, xử phạt bị cáo một mức hình phạt thoả đáng, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và làm bài học răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để thu hồ sơ, nhận tiền của nhiều người để chiếm đoạt và mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *"phạm tội 02 lần trở lên"* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn nhận tội, ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo đã bồi thường, khắc phục được một phần hậu quả; bị cáo có đố đẻ và bố vợ được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến, Bằng khen; bị hại Trần Mạnh H đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự nhân đạo nhưng vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5]. *Về hình phạt bổ sung:* Bị cáo phạm tội với động cơ vụ lợi, lẽ ra phải phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo không có tài sản gì lớn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Đối với anh Phạm Văn P, chị Nguyễn Thị Y và Phạm Thị P (vợ O) đều không biết, không bàn bạc, không được Nguyễn Thanh O hứa hẹn và được hưởng lợi gì từ việc O thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên không có căn cứ xác định là đồng phạm.

[7]. *Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo Nguyễn Thanh O đã chiếm đoạt tổng số tiền 1.177.000.000đ của các bị hại; Bị cáo và gia đình đã trả lại các bị hại gồm anh Trần Mạnh H số tiền 300.000.000đ; bà S và bà D mỗi người 30.000.000đ. Nên buộc bị cáo Nguyễn Thanh O còn phải trả cho bà Đào Thị D và bà Lương Thị S mỗi người số tiền là 270.000.000đ; trả cho bà Lê Thị T số tiền là 277.000.000đ.

Đối với số tiền 9.00.000đ vợ chồng bị cáo đã trả lãi cho bà D, các bên không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xét.

[8]. *Về xử lý vật chứng:*

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO thu của O, liên quan đến hành vi phạm tội, nên tịch thu, cho phát mại sung quỹ Nhà nước.

- Đối với các USB, đĩa CD và các giấy biên nhận tiền, giấy vay tiền tiếp tục cho bảo quản theo hồ sơ vụ án.

[9]. *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí theo theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 3; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. *Về tội danh:*

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh O phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[2]. *Về hình phạt:*

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh O 12 (Mười hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/5/2018.

[3]. *Về hình phạt bổ sung:* Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Nguyễn Thanh O.

[4]. *Về Trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh O phải trả cho:

- Bà Đào Thị Dung số tiền là 270.000.000đ *(hai trăm bẩy mươi triệu đồng)*;

- Bà Lương Thị S số tiền là 270.000.000đ *(hai trăm bẩy mươi triệu đồng);*

- Bà Lê Thị T số tiền là 277.000.000đ *(hai trăm bẩy mươi bẩy triệu đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu bị cáo không thi hành án về khoản bồi thường thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[5]. *Về biện pháp tư pháp:* Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu, phát mại 01 chiếc diện thoại di động nhãn hiệu OPPO có vỏ mặt trước màu trắng, vỏ mặt sau màu vàng để sung quỹ Nhà nước.

- Các USB, đĩa CD và các giấy biên nhận tiền, giấy vay tiền tiếp tục cho bảo quản theo hồ sơ vụ án.

(Số lượng, chủng loại, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 01/QĐ-VKS-P3 ngày 07/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên).

[6]. *Về án phí:* Bị cáo Nguyễn Thanh O phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 36.510.000đ *(ba mươi sáu triệu, năm trăm mười nghìn đồng)* án phí dân sự.

[7]. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1 - TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- PC02- Công an tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNV - CA tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng, Tòa hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Biểu